

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, BTCD_(TVIO).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quy định về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị, tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện; các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Các đơn vị, tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh” gồm các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. “Các đơn vị, tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện” gồm: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện (Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, thị xã; Trung tâm Dịch vụ Kinh tế tổng hợp thành phố).
3. “Các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện” gồm: Các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các tổ chức trực thuộc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt tại

địa bàn huyện (Hạt Kiểm lâm trực thuộc Chi cục Kiểm lâm).

4. “Các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp” là các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp, phát triển nông thôn do các cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, hợp đồng hoặc điều động về công tác trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật, gồm: công chức cấp xã chuyên trách về nông nghiệp; nhân viên thú y cấp xã, khuyến nông viên cấp xã; kiểm lâm địa bàn và các nhân viên kỹ thuật khác (nếu có) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn”.

5. “Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện”, gồm: Các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác có liên quan.

6. “Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp xã” gồm: Các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG, NGUYÊN TẮC, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN, PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 4. Nội dung quản lý, phối hợp chung

1. Triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ ngành liên quan; các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Tham mưu, xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp huyện, cấp xã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội chung của địa phương.

3. Triển khai phối hợp thực hiện nhiệm vụ của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong từng lĩnh vực cụ thể trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, phối hợp công tác

1. Quy chế này quy định cụ thể những nội dung phối hợp để tăng cường, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của mỗi bên đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Phối hợp công tác, trao đổi thông tin, báo cáo theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Đảm bảo tính kịp thời, thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ cấp tỉnh tới cơ sở với quản lý theo địa bàn, địa giới hành chính trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân được pháp luật quy định.

3. Trình tự giải quyết công việc thực hiện theo chương trình, kế hoạch công tác, quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và Quy chế này.

4. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Phương thức phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện thông qua các cuộc họp, hội nghị, trao đổi văn bản và các hình thức khác phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tình hình thực tế tại từng thời điểm, từng địa phương.

2. Khi giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng có liên quan trực tiếp tới thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì Hội nghị, mời lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có liên quan tham dự, cùng thảo luận, thống nhất giải quyết. Trường hợp, các công việc giải quyết có liên quan trực tiếp đến trách nhiệm, thuộc thẩm quyền của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện thì Thủ trưởng của các tổ chức này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng thảo luận, thống nhất giải quyết, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi. Nếu nội dung phối hợp giải quyết vượt thẩm quyền của hai bên, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức họp có trách nhiệm mời các cơ quan, đơn vị có liên quan dự họp để thảo luận, giải quyết hoặc xin ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan bằng văn bản. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan khi được mời họp phải có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến tại cuộc họp hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của bên tổ chức chủ trì.

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn chung của các tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh các quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

c) Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn từ các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, tạo sự thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

đ) Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Đôn đốc việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất các nội dung có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy định của Quy chế này.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong các hoạt động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Bố trí nơi làm việc và tạo điều kiện thuận lợi để các nhân viên kỹ thuật nông nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Huy động công chức, viên chức, nhân viên kỹ thuật nông nghiệp của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đặt tại địa bàn trong trường hợp cần thiết như: Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng, chống thiên tai; cứu hộ, cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.

3. Các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp huyện có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện trong công tác quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã: thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chấp hành sự huy động của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các trường hợp cần thiết như: phòng cháy, chữa cháy rừng; cứu hộ, cứu nạn; phòng, chống thiên tai; phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

Chương III

QUẢN LÝ, PHỐI HỢP TRONG CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC CỤ THỂ

Điều 8: Quản lý, phối hợp công tác trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật

1. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; kế hoạch phát triển trồng trọt của tỉnh; kế hoạch phòng chống dịch hại; kế hoạch tài chính hàng năm phục vụ phòng chống dịch hại thực vật. Tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền công bố dịch và hết dịch tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

b) Về sản xuất trồng trọt: Hướng dẫn thực hiện thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản sản phẩm trồng trọt; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các hoạt động trồng trọt, phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Về quản lý giống cây trồng: Hướng dẫn cơ cấu giống, sử dụng giống cây trồng; theo dõi, giám sát việc thử nghiệm, trình diễn giống cây trồng mới; đề xuất công nhận đặc cách giống cây trồng địa phương; cấp, đình chỉ, phục hồi quyết định công nhận, hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm đã cấp trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về giống cây trồng.

d) Về quản lý phân bón: Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phân bón theo quy định của pháp luật; kiểm tra việc thực hiện khảo nghiệm, quảng cáo phân bón; tiếp nhận, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc công bố hợp quy phân bón của các tổ chức, cá nhân theo quy định; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về chất lượng phân bón cho tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán và người tiêu dùng.

đ) Về bảo vệ thực vật: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, chỉ đạo, chính sách phòng chống sinh vật gây hại thực vật; tiếp nhận, xử lý thông tin và hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các sinh vật gây hại theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch hại gây ra để khôi phục sản xuất nông nghiệp và ổn định đời sống nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật theo quy định pháp luật; tổ chức tập huấn, tuyên truyền, bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

e) Về kiểm dịch thực vật: Tổng hợp, điều tra sinh vật gây hại sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho; giám sát, đánh giá sinh vật gây hại giống cây trồng, sinh vật có ích nhập khẩu; quản lý, giám sát ổ dịch, vùng dịch, đối tượng kiểm dịch thực vật; kiểm tra, giám sát các lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng dịch hoặc đi qua vùng dịch; giám sát xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch

thực vật bảo quản tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Chỉ đạo sản xuất; quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo quy định.

b) Về sản xuất trồng trọt: Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng vụ, hàng năm và từng giai đoạn của địa phương; chủ trì thực hiện và tổng kết, đánh giá kế hoạch sản xuất; tổ chức thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất trồng trọt tập trung sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các quy trình sản xuất an toàn, công nhận, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và thực hiện sản xuất trồng trọt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn; thực hiện các biện pháp khắc phục thiên tai, dịch hại trong sản xuất trồng trọt; tổ chức, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động trồng trọt trên địa bàn.

c) Về quản lý giống cây trồng: Hướng dẫn cơ cấu giống, sử dụng giống cây trồng; quản lý, khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn; theo dõi, giám sát việc khảo nghiệm, sản xuất thử, đề xuất công nhận và đề xuất công nhận đặc cách giống mới; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về giống cây trồng.

d) Về quản lý phân bón: Dự báo nhu cầu, xây dựng kế hoạch sử dụng phân bón hàng vụ, hàng năm; hướng dẫn sử dụng các loại phân bón đúng kỹ thuật, đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm và hạn chế gây ô nhiễm môi trường; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phân bón theo quy định của pháp luật.

đ) Về bảo vệ thực vật: Chỉ đạo điều tra, phát hiện, dự tính dự báo sinh vật gây hại thực vật; kiểm tra, xác minh và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch, công bố hết dịch hại thực vật theo quy định của pháp luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật. Tiếp nhận, xử lý thông tin và hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các sinh vật gây hại được chủ tài nguyên thực vật, tổ chức, cá nhân thông báo. Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan chủ động xây dựng và bố trí kinh phí (hoặc đề xuất bố trí kinh phí) và trực tiếp chỉ đạo, tổ chức phòng, chống sinh vật hại thực vật theo quy định và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; tổ chức tập huấn, tuyên truyền về thuốc bảo vệ thực vật.

e) Kiểm dịch thực vật: Chỉ đạo công tác quản lý sinh vật gây hại sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho; giám sát, đánh giá sinh vật gây hại giống cây trồng, sinh vật có ích nhập khẩu; tổ chức phòng chống các ổ dịch, vùng dịch đối tượng kiểm dịch thực vật theo quy định pháp luật.

g) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức sản xuất, quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo quy định; tổ chức phòng, chống sinh vật hại thực vật, thu gom xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng dẫn của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn theo thẩm quyền.

h) Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế

a) Chủ trì, phối hợp Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện dự thảo văn bản về quy hoạch, kế hoạch công tác trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Phòng theo quy định pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện về công tác chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất; công tác quản lý giống, bố trí cơ cấu giống cây trồng; kiểm tra, hướng dẫn sử dụng phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật; quản lý, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

d) Quản lý, kiểm tra thử nghiệm các loại phân bón, giống cây trồng mới trên địa bàn. Báo cáo kế hoạch thử nghiệm giống cây trồng, phân bón mới trước khi triển khai và báo cáo kết quả triển khai sau kết thúc vụ gieo trồng 30 ngày về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

4. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện

a) Đề xuất và phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế về: Chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn huyện. Tham mưu chỉ đạo sản xuất, biện pháp phòng, chống dịch; Thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn huyện; thống kê, khảo sát ước lượng diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng; công tác quản lý thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, phân bón, quản lý đất trồng lúa; công tác kiểm tra trên địa bàn. Đề xuất các biện pháp hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thực hiện xử lý vi phạm hành chính (lập biên bản, chuyển cơ quan thẩm quyền xử phạt) đối với các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: Điều tra, phát hiện sinh vật gây hại thực vật; xác định thời gian phát sinh, diện phân bố, mức độ gây hại của sinh vật gây hại thực vật; thông báo kịp thời tình hình sinh vật gây hại thực vật và đề xuất chủ trương, hướng dẫn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; xác

định thiệt hại do dịch hại gây ra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả chống dịch. Xây dựng, duy trì hệ thống điều tra, phát hiện, cảnh báo, thông báo tình hình sinh vật gây hại, cơ sở dữ liệu và biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; điều tra sinh vật gây hại sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho; giám sát, đánh giá sinh vật gây hại giống cây trồng, sinh vật có ích nhập khẩu; giám sát, vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng dịch hoặc đi qua vùng dịch, các ổ dịch, vùng dịch nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật trên địa bàn huyện theo quy định pháp luật. Triển khai các hoạt động khuyến nông, công tác khảo nghiệm, thí nghiệm, sản xuất thử về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước và sau khi tổ chức thực hiện các công việc sau: Kế hoạch, chương trình công tác hàng tháng, quý, năm về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn; kết quả tổ chức, triển khai thực hiện về các lĩnh vực công tác thuộc nhiệm vụ được giao (gồm: Công tác chỉ đạo sản xuất; quản lý sinh vật gây hại thực vật; thống kê, khảo sát ước lượng diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng; kiểm tra, thống kê diện tích đền bù khi tiêu hủy do dịch hại; công tác điều tra, lấy mẫu đất, mẫu nước; quản lý giống cây trồng; công tác quy hoạch vùng sản xuất cây trồng; công tác kiểm dịch thực vật nội địa).

d) Phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã thực hiện các công việc sau: Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; công tác kiểm dịch thực vật nội địa, công tác phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn; công tác về chất lượng an toàn thực phẩm; công tác thống kê; thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và quy định pháp luật. Tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; an toàn thực phẩm; tuyên truyền pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

đ) Chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nhiệm vụ sau: Chỉ đạo sản xuất; phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật.

e) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án về trồng trọt, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện. Tiếp nhận, tổ chức chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, hoạt động khuyến nông về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

b) Bố trí kinh phí (hoặc đề xuất bố trí kinh phí) và tổ chức phòng, chống sinh vật gây hại thực vật trên địa bàn.

c) Tổ chức sản xuất; quản lý, sử dụng đất trồng lúa; tổ chức công tác bảo

vệ và kiểm dịch thực vật; điều tra giám sát tình hình sản xuất và sinh vật gây hại; đề xuất, hướng dẫn phòng, chống sinh vật gây hại thực vật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn, hiệu quả; quy định địa điểm thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng dẫn của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện.

d) Kiểm tra, thống kê và thực hiện chính sách hỗ trợ khi sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại, triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất trên địa bàn.

e) Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế và các đơn vị liên quan kiểm tra hoạt động sản xuất, buôn bán và sử dụng phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý vi phạm theo quy định.

f) Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định khác của pháp luật.

6. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã: Có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thực hiện kiểm tra về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật; thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

7. Khuyến nông viên cấp xã có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện về kế hoạch công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Phối hợp công tác lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Về sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Hướng dẫn sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, áp dụng VietGap và các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; thẩm định các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản, việc giao, cho thuê, giá hạn, thu hồi đất, đất có mặt nước để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật. Giám sát, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện quy định về quản lý cơ sở sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

b) Về quản lý giống vật nuôi, giống thủy sản: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chất lượng giống vật nuôi, thủy sản; quản lý theo quy định về danh mục giống vật nuôi, giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh; danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn; danh mục giống vật nuôi, giống thủy sản quý hiếm cấm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về giám định, bình tuyển đàn gia súc giống trên địa bàn; hướng dẫn cơ quan chuyên ngành cấp huyện tổ chức thực hiện việc giám định, bình tuyển đàn gia súc giống trên địa bàn. Thực hiện quản lý truy xuất nguồn gốc giống vật nuôi,

giống thủy sản và quản lý chất lượng giống vật nuôi, giống thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Về quản lý thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y: Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y thực hiện quy định điều kiện sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y và chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y theo quy định. Quản lý các mặt hàng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y trong danh mục thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc đã được công bố thông tin sản phẩm trong phạm vi địa phương theo quy định. Định kỳ phối hợp với đơn vị liên quan kiểm tra điều kiện buôn bán; lấy mẫu, xét nghiệm chỉ tiêu dinh dưỡng và chỉ tiêu an toàn trong mua bán thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và chất lượng thuốc thú y theo quy định.

d) Về quản lý môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp xử lý chất thải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, theo quy định của pháp luật. Quản lý môi trường và chất lượng nước các vùng nuôi trồng thủy sản, thực hiện các nhiệm vụ quan trắc và cảnh báo môi trường dịch bệnh thủy sản. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia về môi trường trong sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tại địa phương;

d) Về khai thác thủy sản, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản: Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản; tổ chức sản xuất, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp trong hoạt động khai thác thủy sản; hướng dẫn việc phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai trong khai thác thủy sản. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về danh mục các loài thủy sản cần được bảo tồn, bảo vệ, cần được tái tạo. Đề xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nguồn lợi, các chương trình, dự án bảo tồn, tái tạo nguồn lợi và đa dạng sinh học thủy sản theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác quản lý, kiểm soát các loài thủy sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành có liên quan.

e) Phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản (sau đây gọi chung là dịch bệnh động vật): Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; kiểm soát bệnh lây từ động vật sang người; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tiêm vắc xin phòng các bệnh bắt buộc theo quy định; thực hiện các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật; điều tra, giám sát, phát hiện dịch bệnh động vật; hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, khoanh vùng, xử lý ổ dịch, tiêu độc khử trùng, phục hồi môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau khi hết dịch bệnh. Giám sát hoạt động của các cá nhân, tổ chức hành nghề thú y trên địa bàn tỉnh. Quản lý, sử dụng vật tư, hóa chất phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật từ nguồn dự trữ

quốc gia, địa phương và các nguồn khác; thực hiện quy trình và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất ra ngoài tỉnh theo quy định; quản lý hoạt động kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án về chăn nuôi, thú y, thủy sản; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản hàng năm trên địa bàn quản lý; xây dựng kế hoạch, thu hút, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; công bố dịch bệnh, công bố hết dịch bệnh trên địa bàn huyện theo quy định

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động của cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ. Bố trí kinh phí (hoặc đề xuất bố trí kinh phí): hỗ trợ tiêu hủy gia súc, gia cầm, động vật thủy sản hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định; hỗ trợ các lực lượng thực hiện công tác phòng chống dịch: tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc và các hoạt động có liên quan đến công tác phòng chống dịch.

c) Chỉ đạo thực hiện kiểm soát giết mổ trên địa bàn theo quy định; tuyên truyền, kiểm tra vệ sinh thú y, quản lý thuốc thú y, hành nghề thú y; quản lý giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và môi trường chăn nuôi.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chương trình, kế hoạch, biện pháp công tác về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

b) Lấy ý kiến tham gia của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện các dự thảo văn bản về quy hoạch, kế hoạch công tác trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành.

c) Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện và các cơ quan liên quan để tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và phối hợp tổ chức thực hiện về công tác chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn; tham mưu công bố dịch, công bố hết dịch theo quy định.

4. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện

a) Đề xuất và phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế về Chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn huyện: Phối hợp tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình liên quan công tác chăn nuôi, thú y và thủy sản (gồm: Phòng, chống dịch bệnh động vật và thủy sản; thực hiện kiểm soát giết mổ động vật trên địa bàn). Tham mưu xây dựng vùng an toàn dịch bệnh; công tác thú y phục vụ phát triển chăn nuôi, giống vật nuôi, giống thủy sản thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, môi trường chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản, kiểm soát động vật, sản phẩm động vật nhập vào địa

bàn ngăn chặn giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép. Phối hợp quản lý thuốc thú y trên địa bàn (bao gồm cả thủy sản), kiểm tra vệ sinh thú y. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành trên địa bàn. Đề xuất các biện pháp hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn cấp huyện và thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn theo quy định pháp luật.

b) Báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước và sau khi tổ chức thực hiện các công việc sau đây: Kế hoạch, chương trình công tác hàng tháng, quý, năm; các chương trình, dự án về chăn nuôi, thú y và thủy sản. Kết quả tổ chức, triển khai thực hiện về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình công tác thú y phục vụ phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, giống vật nuôi, giống thủy sản, môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật.

c) Phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã thực hiện các công việc sau: Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định; công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn; công tác về chất lượng an toàn thực phẩm; công tác thống kê chăn nuôi và thủy sản theo định kỳ; xử lý tiêu hủy động vật; xử lý vi phạm hành chính; tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; an toàn thực phẩm; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; vận động, tuyên truyền pháp luật về chăn nuôi và thú y.

d) Chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nhiệm vụ sau: Phòng, chống dịch bệnh động vật; công tác kiểm soát giết mổ động vật, ngăn chặn, chống giết mổ trái phép; quy hoạch xây dựng các cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra theo quy định của pháp luật; thống nhất nội dung công tác lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn; xác minh, giải trình các nội dung khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân liên quan đến công tác chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn.

đ) Thực hiện lấy mẫu, chẩn đoán, điều trị bệnh động vật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng chống dịch bệnh động vật; điều tra, giám sát phát hiện dịch bệnh động vật; phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện công bố dịch, hết dịch bệnh động vật trên địa bàn theo quy định; hướng dẫn, khoanh vùng, xử lý ổ dịch, tiêu độc khử trùng, phục hồi môi trường chăn nuôi sau khi hết dịch bệnh; hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật; hướng dẫn mạng lưới thú y cấp xã phát hiện, ngăn chặn, xử lý ổ dịch mới và kiểm soát ổ dịch cũ; tiếp nhận vắc xin, hóa chất tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng, phun phòng và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán theo quy định; tăng cường kiểm tra động vật, sản phẩm động vật nhập vào địa

bản quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã: Xây dựng, chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch về chăn nuôi, thú y trên địa bàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; xây dựng và duy trì vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp xã. Tổ chức thực hiện việc tiêu hủy gia súc, gia cầm, hỗ trợ thiệt hại; hỗ trợ các lực lượng tham gia công tác phòng chống dịch: tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc và các hoạt động có liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh; quản lý hoạt động của các cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định khác của pháp luật.

6. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện thực hiện kiểm tra về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

7. Nhân viên thú y cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã các kế hoạch, chương trình liên quan công tác chăn nuôi và thú y như tiêm phòng, phun phòng... (bao gồm nhiệm vụ chuyên ngành chăn nuôi, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y); có trách nhiệm báo cáo với chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện về kế hoạch công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Phối hợp công tác lĩnh vực lâm nghiệp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn việc lập kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Phối hợp hướng dẫn tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tham mưu tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng đối với tổ chức.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giống cây lâm nghiệp. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo,

kiểm tra về sản xuất và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng, chữa cháy rừng.

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra công tác bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chữa cháy rừng.

g) Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra: Việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

h) Hướng dẫn, đôn đốc triển khai, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp; chỉ tra dịch vụ môi trường rừng; chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

i) Tham mưu, phối hợp thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc địa phương quản lý của tổ chức; tổ chức thẩm định thiết kế dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật.

k) Tổ chức thực thi, đảm bảo chấp pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Tổ chức đấu tranh phòng ngừa, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật trong bảo vệ rừng, khai thác rừng, sử dụng rừng, vận chuyển, kinh doanh, cất giữ, chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, quyết định chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật; giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; lập hồ sơ quản lý rừng; tổ chức trồng rừng thay thế; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng tại địa phương; tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp tại địa phương; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự án giao đất, giao rừng đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lâm nghiệp theo quy định. Lấy ý kiến tham gia của Hạt Kiểm lâm các dự thảo văn bản về quy hoạch, kế hoạch

công tác trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, quyết định chương trình, dự án về phát triển lâm nghiệp bền vững, sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác nương rẫy và tổ chức thực hiện tại địa phương; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp; quản lý diện tích, ranh giới khu rừng; xác nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê; tổ chức thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương; hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật; tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và quy định khác của pháp luật.

5. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã có trách nhiệm phối hợp với Hạt Kiểm lâm thực hiện thanh tra, kiểm tra về lâm nghiệp và thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

6. Hạt Kiểm lâm

a) Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế về: Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn. Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Theo dõi diễn biến rừng, kiểm kê rừng. Tập huấn các quy định về bảo vệ và phát triển rừng. Công tác xây dựng lực lượng quần chúng, tổ đội bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn.

b) Tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước và sau khi tổ chức thực hiện các công việc sau đây: Xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn quản lý; phối hợp các cơ quan, tổ chức, lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê; giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Huy động lực lượng tham gia chống chặt phá rừng, chữa cháy rừng. Phối hợp diễn tập về phòng cháy, chữa cháy rừng. Chủ trì, phối hợp tuần tra truy quét và xử lý các tổ chức, cá nhân phá hoại rừng, khai thác tàng trữ, mua bán vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng trái phép trên địa bàn. Công tác giao rừng, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật.

c) Phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã các công việc sau: Tổ chức đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra vụ án hình sự hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật. Tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật. Vận động nhân dân bảo vệ và phát triển rừng. Xây dựng lực lượng quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp; kiểm tra, xác minh, xác nhận nguồn gốc lâm sản; kiểm tra việc khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, gây nuôi, trồng cấy các loài động vật rừng, thực vật rừng theo quy định của pháp luật; thông tin kịp thời về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; triển khai các biện pháp phòng cháy rừng; tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn tổ chức chữa cháy rừng; thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn.

d) Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nhiệm vụ sau: Công tác bảo vệ rừng, quản lý lâm sản. Huy động lực lượng, phương tiện để ngăn chặn, ứng cứu kịp thời khi có xảy ra cháy rừng và chặt, phá rừng trên địa bàn. Phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Công tác quản lý, sử dụng các trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

7. Kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm phối hợp với các bộ phận chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện: Xây dựng phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng, hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện sau khi phương án được phê duyệt; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về Lâm nghiệp; hướng dẫn công tác giao rừng; xây dựng các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; huy động lực lượng dân quân tự vệ, các lực lượng và phương tiện khác trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống phá rừng trái phép, phòng trừ sâu hại rừng; xử lý hoặc tham mưu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp theo quy định của pháp luật; tổng hợp báo cáo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Kiểm lâm.

Điều 11. Phối hợp công tác về khuyến nông

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp, tham gia về công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông cho công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn các huyện, thành phố.

b) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và khuyến nông; phối hợp thông tin thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, lịch nông vụ.

c) Phối hợp xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công

nghệ phù hợp với từng địa phương.

d) Phối hợp tổ chức hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông của địa phương.

đ) Hỗ trợ, hướng dẫn Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện thực hiện các dịch vụ công về lĩnh vực khuyến nông theo quy định.

e) Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án, mô hình nông nghiệp có hiệu quả kinh tế và bền vững; từ đó tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông trên địa bàn và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Bố trí kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện từ nguồn ngân sách nhà nước của huyện và nguồn kinh phí khác hàng năm phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của địa phương. Tạo điều kiện cho Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện hoạt động, tổ chức triển khai các chương trình, dự án về các hoạt động khuyến nông trên địa bàn. Quản lý, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu các chương trình, dự án, hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn quản lý. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hoạt động khuyến nông trên địa bàn; phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức triển khai các chương trình, dự án, hoạt động khuyến nông trên địa bàn. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông trên địa bàn xã. Bố trí (hoặc đề xuất bố trí) kinh phí cho hoạt động khuyến nông của xã từ nguồn ngân sách xã hàng năm phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp của nông dân trong xã. Tạo điều kiện cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện triển khai các chương trình, dự án, hoạt động khuyến nông trên địa bàn xã. Quản lý, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền nhân rộng các chương trình, dự án, hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn xã. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định khác của pháp luật.

5. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã: Có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện, Khuyến nông viên thực hiện chương trình, dự án, hoạt động khuyến nông trên địa bàn.

6. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện

a) Đề xuất và phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế về: Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án, mô hình khuyến nông trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức

thực hiện; quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá về hoạt động khuyến nông trên địa bàn.

b) Chủ trì, phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế triển khai thực hiện: Hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn; tổ chức triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo nội dung, dự toán được phê duyệt và nhiệm vụ được phân công; tổ chức và tham gia tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, đào tạo nghề nông nghiệp, các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về các hoạt động khuyến nông; thực hiện hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông phù hợp năng lực chuyên môn của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

c) Báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước và sau khi tổ chức thực hiện các công việc sau đây: Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng và hàng năm của Trung tâm. Kết quả kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về các lĩnh vực hoạt động liên quan đến khuyến nông trên địa bàn. Định kỳ hàng tháng báo cáo tiến độ, báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện khi kết thúc thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn.

d) Phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã các công việc sau: triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về các hoạt động khuyến nông trên địa bàn.

đ) Chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với việc thực hiện nhiệm vụ các chương trình, dự án khuyến nông; chịu sự huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh, thiên tai tại địa phương.

e) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

7. Khuyến nông viên cơ sở chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn và chịu sự huy động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia phòng, chống dịch bệnh, thiên tai,...tại địa phương; có trách nhiệm báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện về kế hoạch, nhiệm vụ được giao. Thực hiện các công việc nhiệm vụ khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

Điều 12. Phối hợp công tác lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa thủy lợi, công trình thủy lợi và công trình

cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa thủy lợi; các công trình thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý; tổ chức thực hiện chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã được phê duyệt.

b) Thực hiện các quy định về quản lý nguồn nước trong các hồ chứa thủy lợi, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phối hợp xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi của địa phương theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

g) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan thường trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn bảo đảm theo Quy chế làm việc của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án về thủy lợi, phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn; quản lý công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn; huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để phòng, chống thiên tai; bảo vệ công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn; tổ chức ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, nước sạch nông thôn theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên trách quản lý công trình thủy lợi, nước sinh hoạt huấn luyện nghiệp vụ; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tuần tra, canh gác và cứu hộ; chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó với thiên tai đến cộng đồng; tuyên truyền, bảo vệ công trình thủy lợi, nước sạch; tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn; tổ chức công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thủy lợi, nước sạch trên địa bàn. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, biện

pháp công tác về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn trên địa bàn. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế: Thực hiện nhiệm vụ về thủy lợi theo quy định. Lấy ý kiến tham gia của tổ chức ngành đặt tại địa bàn các dự thảo văn bản về quy hoạch, kế hoạch công tác thủy lợi trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành; phối hợp với các tổ chức bảo vệ, quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi (Ủy ban nhân dân các xã, Cụm Quản lý thủy nông...), thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi; phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi; phối hợp các đơn vị quản lý, vận hành hồ thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xây dựng kế hoạch ứng phó với tình huống sự cố vỡ đập. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn. Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai. Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để cứu hộ, ứng cứu hồ đập, khắc phục hậu quả thiên tai gây ra. Tổ chức ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; tổ chức lực lượng lao động tại địa phương để tuần tra, canh gác trong mùa lũ; tổ chức lực lượng, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên trách huấn luyện nghiệp vụ; trực tiếp quản lý và chỉ đạo lực lượng lao động tại địa phương thực hiện công tác tuần tra, canh gác; chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó với thiên tai đến cộng đồng. Thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn theo quy định. Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Kiểm tra, báo cáo hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai, thủy lợi trên địa bàn trước, trong và sau mùa mưa bão, lập kế hoạch đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi. Xây dựng phương án phòng, chống úng, hạn trên địa bàn. Hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định khác của pháp luật.

5. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã: Có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra về thủy lợi trên địa bàn và thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật. Các tổ chức được giao quản lý vận hành hồ thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi chủ trì, phối hợp với tổ chức liên quan trên địa bàn để thực hiện việc quản lý, vận hành, bảo vệ công trình, hồ chứa thủy lợi theo quy định pháp luật.

6. Cán bộ được giao nhiệm vụ phụ trách thủy lợi cấp xã có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về kế hoạch công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Phối hợp trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm, chế

biển và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các vấn đề liên quan về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các phòng ban, đơn vị, tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã các công việc sau: Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tập huấn, bồi dưỡng, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; vận động, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ trì, phối hợp với các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế trong công tác: Kiểm tra thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện về an toàn thực phẩm và thẩm định, đánh giá định kỳ theo quy định; Giám sát, kiểm tra về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn. Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm OCOP trước và sau khi đạt chứng nhận OCOP; tập huấn, bồi dưỡng, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; vận động, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn. Tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện trong việc khuyến khích xây dựng, phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; công tác quảng bá xúc tiến thương mại các sản phẩm đặc sản, chủ lực, Ocop trên địa bàn huyện. Tổng hợp các Báo cáo: Kết quả triển khai công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản trên địa bàn theo quy định và các báo cáo khác có liên quan theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn. Chỉ đạo Các phòng chuyên môn; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chương trình, kế hoạch về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo phân cấp quản lý. Chỉ đạo

xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng kinh tế: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác; kiểm tra, thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định; giám sát, kiểm tra về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn. Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm OCOP trước và sau khi đạt chứng nhận OCOP; tập huấn, bồi dưỡng, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; vận động, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn. Tổ chức hướng dẫn xây dựng, phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; công tác quảng bá xúc tiến thương mại các sản phẩm đặc sản, chủ lực, OCOP trên địa bàn huyện.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định (Báo cáo kết quả triển khai công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản trên địa bàn theo quy định và các báo cáo khác có liên quan theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ đạo xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn theo quy định. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định khác của pháp luật.

5. Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã: Có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và quy định pháp luật.

Điều 14. Phối hợp trong lĩnh vực Phát triển nông thôn

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm đối với các chương trình, dự án cơ chế chính sách

về định cư, tái định cư, sắp xếp, điều chỉnh bố trí lại dân cư trong nông nghiệp và nông thôn; xoá đói giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; quản lý hợp tác xã, kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại và phát triển nông thôn, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, đề án mỗi xã một sản phẩm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn.

c) Chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình dự án khác được tỉnh giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng Kế hoạch lĩnh vực phát triển nông thôn theo giai đoạn và kế hoạch hàng năm của huyện, thị xã, thành phố; tham mưu cho Huyện ủy, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Chỉ đạo và điều phối xây dựng kế hoạch lĩnh vực phát triển nông thôn của các xã trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch của cấp huyện, cấp tỉnh. Chỉ đạo và phân công các phòng, ban cấp huyện trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ các xã triển khai xây dựng nông thôn mới, các xã đặc biệt khó khăn.

c) Chỉ đạo và tổ chức lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn mới, bố trí sắp xếp dân cư, xoá đói giảm nghèo bền vững; thường xuyên kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

d) Xây dựng kế hoạch chi tiết và các giải pháp thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, làm căn cứ định hướng giúp Ủy ban nhân dân các xã phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đối với Chương trình nông thôn mới: Xây dựng kế hoạch cho cả giai đoạn và từng năm trình Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết để tổ chức thực hiện đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện chương trình, đảm bảo lộ trình thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới trên địa bàn; huy động các nguồn lực từ người dân, các tổ chức, cá nhân kết hợp nguồn kinh phí từ ngân sách để thực hiện nội dung phát triển nông thôn theo Kế hoạch được phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất của các đối tượng thụ hưởng.

c) Tuyên truyền, vận động các cá nhân, hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác thành lập các hợp tác xã nông nghiệp; hợp tác liên kết với doanh nghiệp, các

hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp, các doanh nghiệp nông nghiệp tham gia thực hiện, thụ hưởng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Tổ chức triển khai các dự án bố trí sắp xếp dân cư, di dân, tái định cư trong nông thôn; dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình giảm nghèo...trên địa bàn cấp xã.

Chương IV

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

1. Chế độ báo cáo định kỳ: Định kỳ hằng tháng (*trước ngày 20 của tháng báo cáo*), quý I (*trước ngày 20 tháng 3*), 6 tháng (*trước ngày 20 tháng 6*), 9 tháng (*trước ngày 20 tháng 9*) và 01 năm (*trước ngày 20 tháng 12*), Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổng hợp, tham mưu báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Chế độ báo cáo đột xuất: Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, gia súc, gia cầm và thủy sản,...các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan giữa ngành và địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và và đơn vị, tổ chức ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh liên quan để phối hợp tổ chức triển khai kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

3. Hàng tháng (*trước ngày 15*) hoặc đột xuất và khi có yêu cầu các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và kiến nghị đề xuất.

4. Các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện có trách nhiệm thông tin báo cáo kịp thời, chính xác, thường xuyên cho tổ chức ngành dọc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình và kết quả thực hiện ứng phó với sự cố về thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh...

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy chế.

b) Định kỳ (06 tháng, 01 năm) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện công tác phối hợp theo Quy chế này; báo cáo kết quả và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp (nếu có).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện; công chức, viên chức trong các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.